

Số: /2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XIX, nhiệm kỳ 2026 - 2031

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố;

Xét Tờ trình số /TTr-HĐND ngày tháng năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XIX, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XIX, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XIX, Kỳ họp thứ.... thông qua ngày ... tháng.... năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, Cơ quan UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NGHỆ AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

QUY CHẾ

Làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An
khóa XIX, nhiệm kỳ 2026 - 2031

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc, quy trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, quan hệ công tác, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật đại biểu HĐND tỉnh (sau đây viết tắt là HĐND tỉnh) và điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 2. Nguyên tắc, chế độ làm việc của HĐND tỉnh

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

2. HĐND tỉnh hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, đảm bảo trách nhiệm giải trình gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực. Đại biểu HĐND tỉnh bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

3. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trước HĐND tỉnh; ban hành văn bản theo thẩm quyền và được sử dụng con dấu của HĐND tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tổ đại biểu HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. HĐND tỉnh giữ mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan hữu quan trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung kỳ họp HĐND tỉnh và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quan hệ công tác với các cơ quan Trung ương và địa phương

1. HĐND tỉnh giữ mối liên hệ thường xuyên và chịu sự giám sát, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giữ mối liên hệ chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và các cơ quan có liên quan, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt trong hoạt động của hệ thống cơ quan dân cử từ Trung ương đến địa phương.

2. HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi thông tin với UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung các kỳ họp HĐND tỉnh, các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

3. HĐND tỉnh phối hợp, trao đổi thông tin với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, xây dựng pháp luật. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Đại biểu Quốc hội chuyên trách và các đại biểu Quốc hội thuộc Đoàn ĐBQH tỉnh được mời tham dự các kỳ họp của HĐND tỉnh, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, tham gia đoàn khảo sát, giám sát tại địa phương.

4. HĐND tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền Nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của HĐND tỉnh, UBND tỉnh; tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh thực hiện tiếp xúc cử tri và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri theo quy định và các công việc khác có liên quan theo quy định pháp luật. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được mời tham dự các kỳ họp của HĐND tỉnh, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, tham gia đoàn giám sát, khảo sát tại địa phương.

5. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp, xây dựng, ký kết Quy chế phối hợp giữa Thường trực HĐND tỉnh với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

6. HĐND tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự tỉnh, khu vực và các cơ quan, tổ chức hữu quan. Đồng thời, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự tỉnh, khu vực có trách nhiệm phối hợp trong việc trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan phục vụ hoạt động giám sát của HĐND tỉnh.

7. Thường trực HĐND tỉnh phân công lãnh đạo Thường trực, các Ban, Văn phòng theo dõi hoạt động, giữ mối quan hệ công tác thường xuyên, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong các hoạt động HĐND với HĐND cấp xã; định kỳ tổ chức làm việc với Thường trực HĐND cấp xã.

Chương II

HĐND TỈNH

Điều 4. Kỳ họp HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh họp mỗi năm 02 kỳ họp thường lệ. HĐND tỉnh quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND tỉnh đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

2. HĐND tỉnh họp chuyên đề hoặc họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

Điều 5. Chuẩn bị kỳ họp HĐND tỉnh

1. Căn cứ quy định của pháp luật, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và tình hình thực tiễn địa phương, Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn rà soát các nội dung dự kiến trình tại kỳ họp.

2. Thường trực HĐND tỉnh tổ chức hội nghị giữa Thường trực HĐND, UBND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan hữu quan để thống nhất về thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp, những vấn đề có liên quan đến kỳ họp và phân công các cơ quan chuẩn bị.

3. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp theo quy định.

4. Thường trực HĐND tỉnh ban hành thông báo về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp; kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp (đối với kỳ họp thường lệ); phân công các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra các nội dung trình kỳ họp theo quy định của pháp luật và lĩnh vực phụ trách.

5. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh trong việc chuẩn bị các tài liệu và tổ chức các kỳ họp HĐND tỉnh.

Điều 6. Tổ chức kỳ họp HĐND tỉnh

1. Kỳ họp thứ nhất của HĐND khóa mới được tổ chức chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu HĐND; đối với địa phương có bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu HĐND hoặc lùi ngày bầu cử thì thời hạn tổ chức kỳ họp thứ nhất được tính từ ngày bầu cử lại, bầu cử thêm hoặc ngày bầu cử mới.

Kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa HĐND tỉnh do Thường trực HĐND khóa trước triệu tập. Trường hợp khuyết Thường trực HĐND thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định triệu tập viên để triệu tập và Chủ tọa kỳ họp HĐND.

2. Trong nhiệm kỳ, Thường trực HĐND tỉnh quyết định tổ chức kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Việc tổ chức kỳ họp

chuyên đề hoặc họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất do Thường trực HĐND quyết định.

3. Dự kiến chương trình kỳ họp HĐND tỉnh được gửi đến đại biểu HĐND cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

Điều 7. Chương trình kỳ họp HĐND tỉnh

HĐND xem xét, thông qua chương trình kỳ họp theo trình tự sau đây:

1. Thường trực HĐND trình HĐND dự kiến chương trình kỳ họp. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa HĐND, Thường trực HĐND khóa trước hoặc triệu tập viên trong trường hợp khuyết Thường trực HĐND dự kiến chương trình kỳ họp trình HĐND khóa mới xem xét, quyết định.

2. Đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, cho ý kiến về dự kiến chương trình kỳ họp.

3. Chủ tọa kết luận.

4. Đại biểu HĐND tỉnh biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp.

Điều 8. Chủ tọa kỳ họp, phiên họp HĐND tỉnh; trách nhiệm của Chủ tọa

1. Chủ tọa điều hành kỳ họp, các phiên họp của HĐND tỉnh là Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc triệu tập viên theo quy định của pháp luật. Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc triệu tập viên phân công các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh cùng điều hành kỳ họp, các phiên họp của HĐND tỉnh.

Trường hợp khuyết Chủ tịch HĐND tỉnh thì Thường trực HĐND tỉnh thống nhất phân công một Phó Chủ tịch HĐND Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp khuyết Thường trực HĐND tỉnh thì địa phương báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định Chủ tọa kỳ họp, các phiên họp của HĐND tỉnh.

2. Chủ tọa kỳ họp, các phiên họp của HĐND tỉnh có trách nhiệm

a) Điều hành kỳ họp, phiên họp bảo đảm đúng chương trình, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

b) Bảo đảm nguyên tắc làm việc của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này; tạo điều kiện để đại biểu HĐND tỉnh thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm trong thảo luận, chất vấn, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền;

c) Kết luận các nội dung thảo luận, điều hành biểu quyết, thông qua nghị quyết và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình kỳ họp, phiên họp theo thẩm quyền;

d) Ký chứng thực các Nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 9. Trách nhiệm của đại biểu HĐND tỉnh trong việc tham dự kỳ họp

1. Tham gia đầy đủ các phiên họp, kỳ họp của HĐND tỉnh. Trường hợp không tham dự các phiên họp, kỳ họp HĐND tỉnh thì phải có lý do và báo cáo với Chủ tọa kỳ họp trước ngày khai mạc kỳ họp và phải được chủ tọa kỳ họp đồng ý, đồng thời thông tin cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung trình kỳ họp HĐND tỉnh và thực hiện quyền giám sát, chất vấn, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đeo phù hiệu, mặc trang phục lịch sự, trang trọng khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách là đại biểu HĐND tỉnh.

4. Thực hiện trả lời phỏng vấn về các nội dung thuộc phạm vi thẩm quyền của đại biểu HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp (bao gồm cả tài liệu mật), nội dung phiên họp kín của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thành lập Tổ thảo luận tại kỳ họp và trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định thành lập Tổ thảo luận gồm Tổ trưởng, Tổ phó và thành viên là đại biểu HĐND tỉnh để thảo luận, thống nhất về chương trình, nội dung kỳ họp.

2. Tổ trưởng Tổ thảo luận có trách nhiệm tổ chức đề đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp HĐND tỉnh và các quy định khác về kỳ họp; tổ chức và điều hành hoạt động của Tổ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp hoặc Thường trực HĐND tỉnh; giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh, các ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Tổ trưởng Tổ thảo luận có thể đề nghị Thường trực HĐND tỉnh mời đại diện các cơ quan có liên quan tham dự phiên thảo luận của Tổ để làm rõ những vấn đề mà đại biểu HĐND tỉnh quan tâm.

3. Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ thảo luận.

Điều 11. Công tác thư ký kỳ họp của HĐND tỉnh

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thư ký kỳ họp, gồm các nội dung sau đây:

1. Lập danh sách đại biểu HĐND tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại các phiên họp của kỳ họp.

4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp, đăng tải nghị quyết của HĐND tỉnh trên cổng thông tin điện tử của địa phương, Trang thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Nghệ An (dbndnghean.vn).

5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 12. Tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp của HĐND tỉnh được gửi đến Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra (*qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh*) chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Tài liệu gửi chậm sau thời gian quy định trên được chuyển sang trình tại kỳ họp tiếp theo, trường hợp đặc biệt phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Thường trực HĐND tỉnh mới bổ sung để thẩm tra. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo việc chuẩn bị hồ sơ, tài liệu kỳ họp để gửi đại biểu HĐND chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh.

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh quyết định các tài liệu được lưu hành tại kỳ họp sau khi đã báo cáo và xin ý kiến Chủ tịch HĐND tỉnh. Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (trừ trường hợp thuộc bí mật Nhà nước); đối với văn bản quy phạm pháp luật thì thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thường trực HĐND tỉnh có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp HĐND tỉnh nếu đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

3. Thường trực HĐND tỉnh quyết định chế độ quản lý và việc đăng tải trên Trang thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Nghệ An đối với tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh có trách nhiệm đăng tải tài liệu kỳ họp được phép công khai trên Trang thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Nghệ An hoặc niêm yết công khai theo quyết định của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 13. Hình thức tiến hành kỳ họp của HĐND tỉnh

HĐND tỉnh xem xét, quyết định tổ chức kỳ họp theo hình thức trực tiếp (bao gồm cả họp kín), trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp với trực tuyến theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh. Các phiên họp tại kỳ họp được tiến hành công khai, trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc yêu cầu của ít nhất 1/3 tổng số đại biểu HĐND thì HĐND tỉnh quyết định họp kín, việc họp kín được ghi rõ trong Chương trình kỳ họp HĐND tỉnh.

Điều 14. Kỳ họp thứ nhất, phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp HĐND

1. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa HĐND, Chủ tịch HĐND khóa trước hoặc triệu tập viên là Chủ tọa các phiên họp của HĐND cho đến khi HĐND bầu được Chủ tịch HĐND khóa mới.

2. Phiên khai mạc được tổ chức vào phiên họp đầu tiên của kỳ họp HĐND. Trước phiên khai mạc, HĐND tổ chức họp phiên trừ bị (nếu có) để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và một số nội dung khác theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

Phiên khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; phát biểu khai mạc, phát biểu chỉ đạo của cấp trên (nếu có) và một số nội dung khác theo chương trình kỳ họp đã được thông qua.

3. Phiên bế mạc được tổ chức sau khi HĐND tỉnh hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình kỳ họp đã được thông qua và thực hiện theo trình tự sau: Chủ tọa kỳ họp phát biểu bế mạc, chào cờ.

Điều 15. Trình tự, thủ tục HĐND tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn tại kỳ họp

Tùy từng nội dung cụ thể mà HĐND tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày tóm tắt các Tờ trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp;

2. Đại diện các Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra trình bày tóm tắt báo cáo thẩm tra, báo cáo nghiên cứu (nếu có);

3. HĐND tỉnh thảo luận tại phiên họp toàn thể hoặc tổ chức thảo luận tại Tổ thảo luận theo đề nghị của Chủ tọa hoặc Thường trực HĐND tỉnh;

4. Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, bộ phận làm nhiệm vụ thư ký kỳ họp để xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu về những nội dung liên quan được thảo luận tại phiên họp toàn thể, phiên họp tổ để báo cáo HĐND tỉnh tại phiên họp toàn thể;

5. Việc biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại phiên họp HĐND tỉnh được thực hiện như sau:

a) Thư ký kỳ họp trình bày dự thảo Nghị quyết, đề án, báo cáo theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp;

b) HĐND tỉnh thảo luận về nội dung của dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo;

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày báo cáo giải trình (nếu có) theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp;

Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến đại biểu HĐND tỉnh về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (nếu có) trước khi biểu quyết thông qua.

Trường hợp dự thảo có nội dung quan trọng, phức tạp hoặc còn có ý kiến khác nhau, cần có thêm thời gian để nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý thì HĐND tỉnh quyết định hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo quyết định lùi thời điểm trình HĐND tỉnh thông qua;

c) Đại biểu HĐND tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo. Việc biểu quyết có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác. Trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì sau khi HĐND tỉnh tiến hành bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu làm việc và báo cáo HĐND tỉnh về kết quả biểu quyết.

6. Nội dung kỳ họp, các phiên họp toàn thể, phiên họp Tổ của HĐND tỉnh phải được lập thành biên bản và ký xác thực theo quy định.

Điều 16. Trình tự, thủ tục HĐND tỉnh xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền

1. Trình tự, thủ tục trình HĐND tỉnh bầu các chức danh của HĐND được thực hiện như sau:

a) Thường trực HĐND giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND trong số đại biểu HĐND trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp người tự ứng cử hoặc người được đại biểu HĐND tỉnh đề cử ngoài danh sách do Thường trực HĐND tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp (trong trường hợp khuyết Thường trực HĐND tỉnh) giới thiệu thì Thường trực HĐND tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định;

b) Đại biểu HĐND tỉnh thảo luận;

c) Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công báo cáo HĐND tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu HĐND tỉnh (nếu có);

d) HĐND tỉnh biểu quyết thông qua danh sách đề bầu Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng Ban của HĐND tỉnh;

đ) HĐND tỉnh bầu Ban kiểm phiếu theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại kỳ họp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

e) HĐND tỉnh bầu Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng Ban của HĐND tỉnh bằng hình thức bỏ phiếu kín;

g) Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu;

h) Thư ký kỳ họp theo phân công của Chủ tọa kỳ họp trình bày dự thảo nghị quyết xác nhận kết quả bầu chức danh;

i) HĐND tỉnh thảo luận về dự thảo nghị quyết;

k) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa phân công báo cáo HĐND tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu HĐND tỉnh về dự thảo nghị quyết (nếu có);

l) HĐND tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Trình tự, thủ tục trình HĐND tỉnh bầu các chức danh của UBND tỉnh được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch HĐND tỉnh giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Ủy viên UBND tỉnh;

b) Việc HĐND tỉnh bầu các chức danh của UBND tỉnh được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục trình HĐND tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân:

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trình danh sách đề HĐND tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân;

b) Việc HĐND tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục trình HĐND tỉnh cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trình HĐND tỉnh bầu thì có thẩm quyền trình HĐND tỉnh cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu;

b) Việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm thì HĐND tỉnh biểu quyết công khai và không bầu Ban kiểm phiếu; trường hợp bãi nhiệm thì bỏ phiếu kín.

5. Việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh được thực hiện như sau:

a) Căn cứ đơn xin thôi làm nhiệm vụ của đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh. Trong thời gian HĐND tỉnh không họp thì do Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất;

b) Trình tự, thủ tục trình HĐND tỉnh cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp HĐND tỉnh được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này. HĐND tỉnh quyết định hình thức biểu quyết; trường hợp biểu quyết công khai thì không bầu Ban kiểm phiếu.

Điều 17. Hồ sơ về nhân sự trình HĐND tỉnh quyết định

1. Hồ sơ trình HĐND tỉnh bầu các chức danh của HĐND tỉnh, UBND tỉnh bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình HĐND tỉnh bầu các chức danh của HĐND tỉnh, UBND tỉnh;

b) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh;

c) Các tài liệu liên quan đến lý lịch, nhận xét, đánh giá, kết luận về nhân sự của cấp có thẩm quyền theo quy định;

d) Các tài liệu khác có liên quan do Thường trực HĐND tỉnh quyết định theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ trình HĐND tỉnh cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh do HĐND tỉnh bầu bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình HĐND tỉnh xem xét cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu kèm theo đơn xin thôi giữ chức vụ, đơn xin từ chức (nếu có);

b) Dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh về việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu;

c) Văn bản thi hành kỷ luật (nếu có) hoặc ý kiến của cấp có thẩm quyền;

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ trình HĐND tỉnh về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh bao gồm:

a) Đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh của đại biểu HĐND tỉnh và các tài liệu có liên quan;

b) Tờ trình của Thường trực HĐND tỉnh;

c) Dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh.

4. Hồ sơ trình HĐND tỉnh về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu HĐND tỉnh bao gồm:

a) Tờ trình của Thường trực HĐND tỉnh;

b) Dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu HĐND tỉnh;

c) Văn bản thi hành kỷ luật (nếu có) hoặc ý kiến của cấp có thẩm quyền;

d) Văn bản ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi đại biểu HĐND tỉnh đó đang sinh hoạt Tổ đại biểu HĐND tỉnh (nếu có);

đ) Văn bản ý kiến của Tổ đại biểu HĐND tỉnh nơi đại biểu HĐND tỉnh đang sinh hoạt (nếu có).

Điều 18. Trình tự chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp

1. Chủ tọa kỳ họp phát biểu khai mạc phiên chất vấn và nêu những nội dung cần tập trung chất vấn và trả lời chất vấn theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh; điều hành nội dung, thời gian, cách thức đặt câu hỏi, phương pháp trả lời chất vấn, điều hành tranh luận (nếu có) và kết luận chất vấn.

2. Đại biểu đặt câu hỏi chất vấn và người bị chất vấn trả lời chất vấn theo sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp; trường hợp đại biểu không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì đề nghị Chủ tọa cho chất vấn lại hoặc đề nghị làm rõ những nội dung liên quan. Thời gian đại biểu nêu vấn đề chất vấn và người bị chất vấn trả lời chất vấn do Thường trực HĐND tỉnh quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

3. Chủ tọa kỳ họp kết luận phiên chất vấn và trách nhiệm của người trả lời chất vấn:

a) Trường hợp, đối với chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn trực tiếp tại kỳ họp; chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn trực tiếp tại kỳ họp nhưng cần được điều tra, xác minh; chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn trực tiếp tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại phiên chất vấn, người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu HĐND tỉnh đã chất vấn, Thường trực HĐND tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu trả lời chất vấn bằng văn bản;

b) Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu HĐND tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị HĐND tỉnh đưa ra thảo luận tại kỳ họp HĐND tỉnh hoặc kiến nghị HĐND tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn;

c) Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ HĐND tỉnh, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết, kết luận phiên chất vấn tại kỳ họp thường lệ gần nhất đến Thường trực HĐND tỉnh để chuyển đến các đại biểu HĐND tỉnh.

4. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chất vấn tại kỳ họp theo quy định tại Điều 24 Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 19. Trình tự xem xét lập danh mục, đăng ký xây dựng, ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh

1. UBND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đại biểu HĐND tỉnh, đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

2. Tờ trình đăng ký xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh nêu rõ sự cần thiết, mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

các vấn đề cụ thể xử lý mâu thuẫn, chông chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề mới và các nội dung cần thiết khác (nếu có); thời gian dự kiến trình và thông qua.

3. Ban HĐND tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chủ trì, phối hợp với các Ban có liên quan của HĐND tỉnh có ý kiến về đề nghị lập danh mục hoặc đăng ký xây dựng nghị quyết và báo cáo Thường trực HĐND xem xét, quyết định.

4. Trình tự, thủ tục Thường trực HĐND tỉnh xem xét đề nghị lập danh mục, đăng ký xây dựng nghị quyết thực hiện theo quy định tại Điều 21 và Điều 23 của Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 20. Thông tin về kỳ họp HĐND tỉnh

1. Khi cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức họp báo hoặc giao Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh họp báo hoặc ban hành Thông cáo báo chí về chương trình, nội dung kỳ họp HĐND tỉnh để cung cấp thông tin về các nội dung của kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh đăng tải công khai nghị quyết của HĐND tỉnh trên Trang thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Nghệ An và trên công báo điện tử tỉnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Các phiên họp của HĐND tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp (trừ trường hợp do HĐND tỉnh quyết định) theo chương trình kỳ họp đã được HĐND tỉnh thông qua.

4. Cơ quan báo chí có thể được mời tham dự và đưa tin về kỳ họp HĐND tỉnh theo quyết định của Thường trực HĐND tỉnh.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

Điều 21. Chế độ, hình thức làm việc

1. Thường trực HĐND tỉnh thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Các quyết định của Thường trực HĐND tỉnh phải được quá nửa tổng số thành viên Thường trực HĐND tỉnh biểu quyết tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch HĐND tỉnh đã biểu quyết, kể cả trường hợp xin ý kiến bằng văn bản; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Thường trực HĐND tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND tỉnh; ban hành văn bản theo thẩm quyền.

Các thành viên Thường trực HĐND tỉnh chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND tỉnh phân công.

3. Thường trực HĐND tỉnh làm việc thông qua các hình thức sau đây:

- a) Phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất;
- b) Gửi xin ý kiến bằng văn bản;
- c) Các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Trước phiên họp thường kỳ mỗi tháng, trước phiên họp đột xuất hoặc khi cần thiết Thường trực tổ chức họp chuyên trách để cho ý kiến, thống nhất các nội dung trước khi trình ra phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, kịp thời chỉ đạo, triển khai, điều phối các hoạt động của các Ban, Thường trực HĐND tỉnh (nếu cần thiết).

5. Thường trực HĐND tỉnh điều phối, chỉ đạo hoạt động của các Ban HĐND tỉnh. Các Ban HĐND tỉnh có trách nhiệm xây dựng lịch công tác hàng tuần gửi Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 22. Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng 01 lần; khi cần thiết thì họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND tỉnh. Phiên họp phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Thường trực HĐND tỉnh tham dự.

2. Chủ tịch HĐND tỉnh quyết định về thời gian, chương trình, nội dung, hình thức họp, thành phần họp, triệu tập và chủ tọa phiên họp Thường trực HĐND tỉnh.

3. Thường trực HĐND tỉnh phân công các Ban HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến các nội dung trình tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh; phân công Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh tham mưu, phục vụ.

4. Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Thường trực HĐND tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình phiên họp.

5. Căn cứ vào chương trình phiên họp Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị nội dung trình phiên họp theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh bảo đảm chất lượng, trước 05 ngày diễn ra phiên họp. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh quyết định việc gửi tài liệu đến thành viên tham dự trước 01 ngày tổ chức phiên họp.

6. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các Ban HĐND tỉnh trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình phiên họp, ghi biên bản phiên họp; chủ trì hoàn thiện các thông báo, kết luận phiên họp, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của phiên họp.

7. Trình tự tiến hành phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh được thực hiện như sau:

- a) Chủ tọa phiên họp phát biểu khai mạc và gợi ý những nội dung tập trung thảo luận;

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày Tờ trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án để Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến;

c) Ban của HĐND trình bày báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo ý kiến nghiên cứu (nếu có);

d) Thường trực HĐND tỉnh thảo luận;

đ) Đại biểu tham dự phiên họp được mời phát biểu ý kiến (nếu có);

e) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau (nếu có);

g) Chủ tọa kết luận;

8. Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định về việc mời cơ quan báo chí tham dự và đưa tin về nội dung phiên họp (nếu có).

Điều 23. Văn bản kết luận phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh

1. Căn cứ vào kết luận của Chủ tọa phiên họp, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND tỉnh được phân công chủ trì thẩm tra xây dựng dự thảo thông báo kết luận của Thường trực HĐND tỉnh trình Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định hoặc trình Chủ tọa phiên họp (trường hợp là Phó Chủ tịch HĐND tỉnh) xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thường trực HĐND tỉnh ban hành văn bản thông báo kết luận gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 24. Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản

1. Trường hợp không tổ chức được phiên họp (do thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp khác) hoặc tùy vào tính chất, nội dung trình Thường trực HĐND tỉnh (như: quyết định số lượng thành viên các ban của HĐND tỉnh; phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên của ban HĐND tỉnh; phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND cấp dưới; các văn bản tham gia góp ý, báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh; phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu trong thời gian HĐND tỉnh không họp; các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh), Thường trực HĐND tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan chủ trì nội dung trình quyết định việc lấy ý kiến Thường trực HĐND tỉnh bằng văn bản.

2. Hồ sơ, tài liệu trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản gồm:

a) Văn bản đề nghị hoặc Tờ trình của cơ quan trình xin ý kiến;

b) Dự thảo nghị quyết hoặc văn bản trả lời của Thường trực HĐND tỉnh về nội dung xin ý kiến; phiếu biểu quyết bằng văn bản;

c) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Trình tự Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến bằng văn bản thực hiện như sau:

a) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh gửi hồ sơ, tài liệu trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản tới các thành viên Thường trực HĐND tỉnh, đồng thời gửi Ban của HĐND tỉnh để thẩm tra theo phân công của Lãnh đạo Thường trực HĐND tỉnh (nếu cần thiết);

b) Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu và ý kiến thẩm tra của Ban HĐND tỉnh (nếu có), Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh lập Phiếu trình xin ý kiến kèm theo hồ sơ, tài liệu, dự thảo nghị quyết hoặc văn bản cho ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, văn bản thẩm tra của Ban của HĐND tỉnh (nếu có);

c) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh tổng hợp kết quả biểu quyết bằng phiếu, ý kiến của các thành viên Thường trực HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và gửi Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra (nếu có);

d) Cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo;

đ) Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh thực hiện rà soát, trình Chủ tịch HĐND tỉnh ký ban hành nghị quyết, văn bản cho ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm của Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Ủy viên là Trưởng Ban của HĐND tỉnh

1. Trách nhiệm của Chủ tịch HĐND tỉnh:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế này; Chủ tịch HĐND chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể trước HĐND về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh;

c) Chỉ đạo việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Thường trực HĐND tỉnh.

2. Phó Chủ tịch HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Chủ tịch HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch HĐND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh.

3. Ủy viên là Trưởng Ban của HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND tỉnh phân công.

Điều 26. Chế độ thông tin, báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh

1. Thực hiện chế độ báo cáo của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chế độ thông tin đến Nhân dân, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Nghệ An về tình hình tổ chức và hoạt động của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh; về việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; kết luận giám sát, chất vấn, giải trình.

3. Thường trực HĐND tỉnh yêu cầu các cơ quan cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh.

4. Thường trực HĐND tỉnh quyết định về thẩm quyền, nội dung phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí trước mỗi lần họp báo (nếu có). Người phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

Chương IV

CÁC BAN CỦA HĐND TỈNH

Điều 27. Ban của HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2026 - 2031 có 04 Ban, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Dân tộc. Ban của HĐND tỉnh gồm có Trưởng Ban chuyên trách, 01 Phó Trưởng Ban chuyên trách, 01 Ủy viên là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách và 06 Ủy viên hoạt động kiêm nhiệm.

2. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và Ủy viên hoạt động chuyên trách của Ban có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trong việc giải quyết công việc thường xuyên; đồng thời thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 28. Chế độ, hình thức làm việc

1. Ban của HĐND tỉnh làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; các quyết định của Ban HĐND tỉnh phải được quá nửa tổng số thành viên Ban biểu quyết tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến kết luận của Trưởng Ban, kể cả trường hợp xin ý kiến bằng văn bản; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Ban của HĐND tỉnh làm việc thông qua các hình thức: tổ chức phiên họp thường kỳ (6 tháng, cuối năm); họp thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp HĐND tỉnh, thẩm tra các nội dung khác theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, ngoài ra khi cần thiết thì họp đột xuất theo đề nghị của Trưởng Ban; gửi xin ý kiến bằng văn bản, tổ chức hội nghị, tổ chức các đoàn công tác và các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật. Phiên họp của Ban phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Ban tham dự.

Điều 29. Phạm vi, lĩnh vực phụ trách của các Ban HĐND tỉnh

1. Ban Pháp chế HĐND tỉnh phụ trách các lĩnh vực: tổ chức và việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; thực hiện việc tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật có liên quan; theo dõi việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.

2. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh phụ trách các lĩnh vực: quy hoạch, kế hoạch, tài chính, ngân sách, đầu tư và thực hiện liên kết vùng; thương mại, dịch vụ, công nghiệp, xây dựng, giao thông, phát triển hạ tầng nông thôn; đất đai, tài nguyên, môi trường và nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh phụ trách các lĩnh vực: giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, du lịch; khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; theo dõi việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035; Chương trình mục tiêu quốc gia nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035.

4. Ban Dân tộc HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, theo dõi việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

5. Tùy tình hình thực tế, Thường trực HĐND tỉnh có thể phân công các Ban của HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ khác.

Điều 30. Trình tự, thủ tục thẩm tra đề án, báo cáo, dự thảo nghị quyết của các Ban của HĐND tỉnh

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo đến Ban của HĐND được phân công thẩm tra. Tài liệu gửi chậm sau thời gian quy định phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Thường trực HĐND tỉnh mới bổ sung để thẩm tra.

Hồ sơ dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo gửi thẩm tra được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các quy định khác có liên quan, quy định của Quy chế này và theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Ban của HĐND tỉnh tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra nghị quyết, đề án, báo cáo được phân công theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày;
- b) Đại diện Ban trình bày báo cáo thẩm tra hoặc ý kiến của Ban (nếu có);
- c) Tập thể Ban thảo luận;
- d) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến;
- đ) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo phát biểu ý kiến (nếu có);
- e) Chủ tọa phiên họp kết luận;
- g) Tập thể Ban biểu quyết.

3. Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định của pháp luật có liên quan; được gửi đến Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, đồng thời phải gửi đến cơ quan trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo.

Điều 31. Việc tổ chức phiên họp toàn thể ban của HĐND tỉnh và việc xem xét, cho ý kiến bằng văn bản

1. Trưởng Ban của HĐND tỉnh quyết định triệu tập phiên họp toàn thể để xem xét, thảo luận, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền hoặc các nội dung theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh; phân công Phó Trưởng Ban, Ủy viên hoạt động chuyên trách của Ban dự thảo nội dung trình phiên họp toàn thể của Ban hoặc chuẩn bị ý kiến của Ban trả lời các cơ quan.

2. Trình tự tổ chức phiên họp toàn thể ban của HĐND tỉnh được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy chế này.

3. Căn cứ kết luận phiên họp toàn thể của Ban, Trưởng Ban phân công Phó Trưởng Ban hoặc Ủy viên hoạt động chuyên trách của Ban chủ trì phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh hoàn thiện dự thảo các văn bản đã cho ý kiến tại phiên họp theo thẩm quyền, trình Trưởng Ban xem xét, quyết định.

4. Trường hợp không tổ chức được phiên họp toàn thể Ban của HĐND tỉnh (do thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp khác) hoặc tùy vào tính chất, nội dung, Trưởng Ban của HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc xin ý kiến bằng văn bản (các nội dung, hình thức lấy ý kiến bằng văn bản do Trưởng Ban quyết định).

Trình tự, thủ tục Ban của HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:

a) Trưởng Ban của HĐND tỉnh phân công Phó Trưởng Ban, Ủy viên hoạt động chuyên trách của Ban nghiên cứu, xây dựng dự thảo văn bản của Ban;

b) Phó Trưởng Ban, Ủy viên hoạt động chuyên trách của Ban được giao nhiệm vụ nghiên cứu gửi hồ sơ, tài liệu, phiếu xin ý kiến để các thành viên của Ban của HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến và biểu quyết bằng văn bản;

c) Phó Trưởng Ban, Ủy viên hoạt động chuyên trách của Ban của HĐND tỉnh được giao nhiệm vụ nghiên cứu tổng hợp ý kiến, biểu quyết của thành viên Ban, hoàn thiện dự thảo văn bản và báo cáo Trưởng Ban xem xét quyết định ký ban hành;

d) Trưởng Ban của HĐND tỉnh ký văn bản của Ban gửi đến Thường trực HĐND tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan;

đ) Cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo (nếu có).

Điều 32. Trách nhiệm của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên

1. Trách nhiệm của Trưởng Ban

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban theo quy định của pháp luật có liên quan thuộc lĩnh vực Ban phụ trách, các nhiệm vụ được Thường trực HĐND tỉnh phân công;

b) Phụ trách chung, chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; chịu trách nhiệm tập thể trước HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh về hoạt động của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban, Thường trực HĐND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban;

c) Chỉ đạo việc xây dựng, triển khai việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban. Báo cáo kết quả công tác trước HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh. Tham gia các phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh;

d) Chủ trì các cuộc họp, hội nghị của Ban, ký các văn bản của Ban;

e) Là người phát ngôn của Ban, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban cho các cơ quan báo chí (nếu có yêu cầu). Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban; thay mặt Ban giữ mối liên hệ với các cơ quan Trung ương; với Thường trực HĐND, UBND tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, các cơ quan, đơn vị ở địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn;

g) Phân công Phó Trưởng ban, Ủy viên hoạt động chuyên trách tham dự các hội nghị, các cuộc họp do UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị mời;

h) Xử lý văn bản đi, đến của Ban;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Trách nhiệm của Phó Trưởng Ban

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Ban đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Có trách nhiệm thường xuyên phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; kịp thời báo cáo, đề xuất với Trưởng Ban về những vấn đề mới phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân công và đề xuất phương hướng giải quyết;

b) Chịu trách nhiệm tập thể trước HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban và Ban về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Được Trưởng Ban phân công phụ trách một số lĩnh vực của Ban;

c) Ký các văn bản của Ban, chủ trì thực hiện các hoạt động của Ban khi được Trưởng ban phân công hoặc ủy quyền;

d) Giúp Trưởng Ban chỉ đạo chuẩn bị và triển khai các nội dung, chương trình, kế hoạch công tác, các báo cáo hàng tháng, quý, 6 tháng, năm của Ban; báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát, khảo sát, các báo cáo khác của Ban chuẩn bị cho kỳ họp và các phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh khi có yêu cầu. Chủ động nghiên cứu, đề xuất nội dung thuộc lĩnh vực Ban phụ trách;

e) Xây dựng dự thảo văn bản thẩm tra, cho ý kiến trình phiên họp toàn thể của Ban hoặc chuẩn bị ý kiến của Ban trả lời các cơ quan đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ban hoặc các nội dung do Thường trực HĐND tỉnh giao theo phân công của Trưởng Ban;

g) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận sau giám sát, chất vấn, giải trình thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; việc giải quyết kiến nghị cử tri và việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực Ban phụ trách;

h) Khi Trưởng ban vắng mặt, được ủy quyền điều hành công việc của Ban;

i) Tham dự các cuộc họp do Thường trực HĐND tỉnh mời dự. Thay mặt Ban tham dự hội nghị, các cuộc họp do cơ quan khác mời khi được Trưởng ban phân công và ủy quyền hoặc khi được mời đích danh;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Trưởng ban và của Thường trực HĐND tỉnh.

3. Trách nhiệm của Ủy viên

a) Trách nhiệm của Ủy viên hoạt động chuyên trách

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể Ban và Trưởng Ban; đồng thời cùng các Ủy viên khác của Ban chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của

Ban trước HĐND, Thường trực HĐND tỉnh. Được Trưởng Ban phân công phụ trách một số lĩnh vực của Ban.

- Tham gia, giúp Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo quy định của pháp luật; chủ động nghiên cứu, đề xuất nội dung).

- Xây dựng dự thảo văn bản thẩm tra, cho ý kiến trình phiên họp toàn thể của Ban hoặc chuẩn bị ý kiến của Ban trả lời các cơ quan đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ban hoặc các nội dung do Thường trực HĐND tỉnh giao theo phân công của Trưởng Ban; thực hiện việc xin ý kiến các thành viên Ban và tổng hợp ý kiến, biểu quyết của thành viên Ban; chủ trì phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND hoàn thiện dự thảo văn bản và báo cáo Trưởng Ban xem xét quyết định ký ban hành. Tham gia xây dựng các báo cáo, báo cáo giám sát, khảo sát và các văn bản khác của Ban.

- Chuẩn bị nội dung chất vấn, giải trình; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận giám sát, chất vấn, giải trình thuộc lĩnh vực Ban phụ trách, việc giải quyết kiến nghị cử tri và việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; tham mưu đề xuất nội dung chất vấn, giải trình, giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, trình Trưởng Ban quyết định.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban và thay mặt Ban tham dự các cuộc họp, hội nghị do cơ quan khác mời theo phân công của Trưởng Ban.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban phân công.

b) Trách nhiệm của Ủy viên hoạt động kiêm nhiệm

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban.

- Chịu trách nhiệm tập thể trước HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban phân công; Được Trưởng Ban phân công phụ trách theo dõi một số lĩnh vực của Ban.

- Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và tham gia ý kiến chuyên sâu về một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ban theo phân công của Trưởng Ban.

- Chủ động nghiên cứu các văn bản pháp luật, nắm bắt thực tế, đề xuất các nội dung liên quan đến chương trình công tác, hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra của Ban.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra và các hoạt động khác của Ban. Tham gia ý kiến và biểu quyết về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.

- Tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, trao đổi kỹ năng và kinh nghiệm hoạt động theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Trưởng ban nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn phục vụ công tác và kỹ năng của đại biểu HĐND tỉnh.

Chương V

TỔ ĐẠI BIỂU VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH

Điều 33. Trách nhiệm của Tổ đại biểu HĐND tỉnh

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các quy định pháp luật có liên quan và theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Thực hiện giám sát về các vấn đề do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản hướng dẫn thi hành; phối hợp giám sát việc giải quyết kiến nghị cử tri trên địa bàn.

3. Tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm trước HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu.

5. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu

a) Trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh

- Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu HĐND tỉnh trước HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh.

- Chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ đại biểu HĐND tỉnh ký các văn bản của Tổ.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Thường trực HĐND cấp xã, UBND cấp xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan.

b) Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi được Tổ trưởng phân công.

Điều 34. Quyền và trách nhiệm của đại biểu HĐND tỉnh

1. Đại biểu HĐND tỉnh được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định và theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Đại biểu HĐND tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đại biểu HĐND tỉnh được trình bày ý kiến trực tiếp tại kỳ họp HĐND, phiên họp, hội nghị do Thường trực HĐND

tỉnh tổ chức hoặc gửi ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác đến gửi Thường trực HĐND tỉnh để chỉ đạo giải quyết; được cung cấp các tài liệu của kỳ họp HĐND tỉnh; các nghị quyết của HĐND tỉnh và các tài liệu cần thiết khác.

4. Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định của pháp luật có liên quan và theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

5. Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản, trang thiết bị được trang cấp phục vụ hoạt động của đại biểu; không sử dụng vào mục đích cá nhân, không làm hư hỏng, thất thoát tài sản theo quy định của pháp luật.

6. Đại biểu HĐND tỉnh chuyển công tác hoặc nơi cư trú đến đơn vị hành chính cấp xã khác ngoài các xã, phường Tổ đại biểu HĐND tỉnh đang sinh hoạt có thể chuyển sinh hoạt đến Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại địa bàn đó. Đại biểu HĐND tỉnh gửi đơn chuyển sinh hoạt Tổ để Thường trực HĐND tỉnh quyết định, thông báo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh nơi đi và nơi đến.

Chương VI

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 35. Đánh giá, xếp loại và khen thưởng

1. Thường trực HĐND tỉnh đánh giá, xếp loại đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách định kỳ 3 tháng, 6 tháng, hàng năm và cả nhiệm kỳ; đánh giá, xếp loại đại biểu HĐND tỉnh hoạt động kiêm nhiệm định kỳ 6 tháng, hàng năm và cả nhiệm kỳ. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại, Thường trực HĐND tỉnh xem xét biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Việc đánh giá, xếp loại được thực hiện theo Quy chế do Thường trực HĐND tỉnh ban hành, bảo đảm khách quan, công khai, dân chủ, thực chất, gắn với chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về tên gọi, đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương của HĐND tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh tham mưu lập hồ sơ đề nghị khen thưởng, xét tặng Kỷ niệm chương bảo đảm đúng quy định.

Điều 36. Kỷ luật và xử lý vi phạm

1. Đại biểu HĐND tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật bị khởi tố, bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc có văn bản đề nghị tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND của cơ quan có thẩm quyền thì Thường trực HĐND tỉnh quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND.

Đại biểu HĐND không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu HĐND và không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị HĐND hoặc cử tri bãi nhiệm.

Đại biểu HĐND bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì bị mất quyền đại biểu HĐND kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đại biểu HĐND đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm các chức vụ trong Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh.

2. Trường hợp đại biểu HĐND tỉnh là cán bộ, công chức, viên chức bị xem xét xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức, buộc thôi việc, tạm đình chỉ công tác hoặc xử lý kỷ luật khác theo quy định của pháp luật có liên quan thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản đến Thường trực HĐND tỉnh để phối hợp xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

3. Việc xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật đối với đại biểu HĐND tỉnh phải bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG

Điều 37. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh do HĐND tỉnh quyết định và được bố trí từ nguồn ngân sách của tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 38. Cơ quan tham mưu, giúp việc

1. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh; có trách nhiệm tham mưu, tổng hợp, tổ chức phục vụ và các điều kiện cần thiết cho hoạt động của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo và phân công nhiệm vụ đối với Văn phòng trong công tác tham mưu, tổng hợp, phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh.

3. Chánh Văn phòng hoặc người được ủy quyền thực hiện phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Chủ tịch HĐND tỉnh.

4. Chánh Văn phòng có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh trong công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành; tổ chức truyền đạt ý

kiến chỉ đạo và ký thông báo kết luận của Thường trực HĐND tỉnh theo phân công, ủy quyền.

5. Định kỳ hoặc đột xuất, Chánh Văn phòng báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ; kịp thời đề xuất, xin ý kiến chỉ đạo đối với những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của Thường trực HĐND tỉnh.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Trách nhiệm thực hiện Quy chế

1. HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Giao các Ban HĐND tỉnh căn cứ quy định của Quy chế này ban hành Thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể cho Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, Ủy viên hoạt động chuyên trách, Ủy viên hoạt động kiêm nhiệm của Ban.

3. Giao Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh giúp Thường trực HĐND tỉnh theo dõi việc thực hiện Quy chế. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung cần thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì đề xuất, báo cáo, tham mưu Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.